

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	731	1	141	590	10	1.37	67	9.17	138	18.88	224	30.64	236	32.28	52	7.11	4	0.55	13
	Điện tử công nghiệp	118	1	32	86	0	0.00	7	5.93	9	7.63	30	25.42	63	53.39	9	7.63	0	0.00	2
	CNKT Điện_Điện tử	210	5	53	157	3	1.43	16	7.62	37	17.62	80	38.10	54	25.71	15	7.14	5	2.38	7
	CNKT Cơ điện tử	67	0	14	53	0	0.00	1	1.49	3	4.48	28	41.79	27	40.30	6	8.96	2	2.99	1
	CNKT ĐK Tự động	134	1	40	94	2	1.49	4	2.99	12	8.96	67	50.00	36	26.87	12	8.96	1	0.75	2
	Điện CN&DD	45	0	16	29	0	0.00	0	0.00	8	17.78	14	31.11	16	35.56	6	13.33	1	2.22	0
	Điện công nghiệp	174	1	118	56	0	0.00	7	4.02	14	8.05	35	20.11	75	43.10	27	15.52	16	9.20	2
	Điện tử công nghiệp	104	2	86	18	2	1.92	6	5.77	8	7.69	25	24.04	28	26.92	27	25.96	8	7.69	0
	CNKT Điện_Điện tử	63	1	56	7	0	0.00	0	0.00	1	1.59	6	9.52	41	65.08	12	19.05	3	4.76	0
2	Điện lạnh	225	0	73	152	2	0.89	0	0.00	11	4.89	131	58.22	59	26.22	12	5.33	10	4.44	37
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	81	1	22	59	0	0.00	0	0.00	16	19.75	50	61.73	12	14.81	3	3.70	0	0.00	22
	VH - SC thiết bị lạnh	104	0	44	60	0	0.00	1	0.96	14	13.46	57	54.81	21	20.19	5	4.81	6	5.77	9
	CNKT Nhiệt	59	0	20	39	0	0.00	1	1.69	2	3.39	40	67.80	12	20.34	4	6.78	0	0.00	5
	Điện lạnh	5	0	3	2	0	0.00	1	20.00	0	0.00	2	40.00	2	40.00	0	0.00	0	0.00	0
	Lắp đặt thiết bị lạnh	162	0	143	19	0	0.00	0	0.00	11	6.79	37	22.84	94	58.02	16	9.88	4	2.47	8
	CNKT Nhiệt	49	0	39	10	0	0.00	0	0.00	2	4.08	4	8.16	32	65.31	11	22.45	0	0.00	9
3	Cơ điện	67	0	14	53	0	0.00	0	0.00	8	11.94	46	68.66	10	14.93	1	1.49	2	2.99	5
	Cơ điện tử	67	1	15	52	2	2.99	3	4.48	7	10.45	36	53.73	14	20.90	4	5.97	1	1.49	6
	KT-BT-SC máy CNC	18	0	10	8	0	0.00	2	11.11	0	0.00	7	38.89	8	44.44	1	5.56	0	0.00	2
	Bảo trì HT - TB - CN	37	0	5	32	0	0.00	1	2.70	5	13.51	16	43.24	14	37.84	0	0.00	1	2.70	7
	Cắt gọt kim loại	12	0	1	11	0	0.00	2	16.67	5	41.67	4	33.33	0	0.00	1	8.33	0	0.00	9
	CNKT Cơ khí	454	4	118	336	0	0.00	38	8.37	167	36.78	137	30.18	97	21.37	5	1.10	10	2.20	88
	CN Chế tạo máy	645	2	189	456	1	0.16	14	2.17	61	9.46	206	31.94	274	42.48	62	9.61	27	4.19	63
	Cắt gọt kim loại	83	1	62	21	0	0.00	1	1.20	4	4.82	9	10.84	35	42.17	29	34.94	5	6.02	7
	CNKT Cơ khí	102	0	79	23	0	0.00	0	0.00	1	0.98	25	24.51	43	42.16	27	26.47	6	5.88	0

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	1648	8	492	1156	13	0.79	58	3.52	178	10.80	837	50.79	456	27.67	103	6.25	3	0.18	261
	BT & SC Ô Tô	104	0	63	41	0	0.00	2	1.92	15	14.42	38	36.54	25	24.04	18	17.31	6	5.77	28
	Công nghệ Ô Tô	350	0	278	72	0	0.00	4	1.14	17	4.86	50	14.29	176	50.29	76	21.71	27	7.71	4
5	CN May & Thời trang	212	191	41	171	4	1.89	17	8.02	57	26.89	121	57.08	10	4.72	1	0.47	2	0.94	15
	Công nghệ May	100	87	26	74	0	0.00	5	5.00	46	46.00	33	33.00	10	10.00	6	6.00	0	0.00	13
	CN May & Thời trang	79	67	62	17	0	0.00	2	2.53	4	5.06	18	22.78	45	56.96	8	10.13	2	2.53	2
	May thời trang	19	16	14	5	0	0.00	0	0.00	3	15.79	1	5.26	3	15.79	11	57.89	1	5.26	3
6	Công nghệ phần mềm	152	9	52	100	0	0.00	3	1.97	20	13.16	50	32.89	59	38.82	19	12.50	1	0.66	3
	Mạng MT, QT Mạng	206	11	87	119	0	0.00	1	0.49	17	8.25	72	34.95	91	44.17	18	8.74	7	3.40	27
	CN Web, TK Web	138	9	70	68	0	0.00	0	0.00	14	10.14	40	28.99	55	39.86	16	11.59	13	9.42	13
	CNKT Máy tính	75	1	32	43	0	0.00	0	0.00	3	4.00	14	18.67	42	56.00	16	21.33	0	0.00	32
	Lập trình máy tính	85	5	34	51	0	0.00	1	1.18	4	4.71	16	18.82	43	50.59	20	23.53	1	1.18	17
	An ninh mạng	23	0	12	11	0	0.00	0	0.00	4	17.39	6	26.09	10	43.48	3	13.04	0	0.00	3
	Tin học ứng dụng	30	4	11	19	0	0.00	2	6.67	9	30.00	12	40.00	4	13.33	2	6.67	1	3.33	8
	Quản trị MMT	311	26	259	52	0	0.00	4	1.29	23	7.40	50	16.08	132	42.44	86	27.65	16	5.14	55
	Lập trình máy tính	70	8	57	13	0	0.00	0	0.00	7	10.00	12	17.14	33	47.14	4	5.71	14	20.00	0
	Thiết kế trang Web	29	0	27	2	0	0.00	0	0.00	1	3.45	2	6.90	19	65.52	7	24.14	0	0.00	2
	CNKT phần cứng MT	54	0	46	8	0	0.00	0	0.00	3	5.56	2	3.70	22	40.74	16	29.63	11	20.37	0
	Tin học ứng dụng	70	22	59	11	0	0.00	0	0.00	3	4.29	3	4.29	38	54.29	26	37.14	0	0.00	8
7	Kế toán doanh nghiệp	61	49	32	29	0	0.00	0	0.00	2	3.28	32	52.46	26	42.62	1	1.64	0	0.00	5
	Quản trị doanh nghiệp	100	54	53	47	0	0.00	11	11.00	41	41.00	29	29.00	10	10.00	8	8.00	1	1.00	14
	Kế toán doanh nghiệp	105	89	96	9	1	0.95	4	3.81	18	17.14	24	22.86	41	39.05	11	10.48	6	5.71	9
	Quản trị doanh nghiệp	110	61	85	25	0	0.00	2	1.82	8	7.27	22	20.00	43	39.09	13	11.82	22	20.00	10
8	Tiếng Anh	84	49	33	51	5	5.95	28	33.33	19	22.62	25	29.76	7	8.33	0	0.00	0	0.00	15
	Tiếng Anh	94	44	90	4	1	1.06	0	0.00	13	13.83	34	36.17	19	20.21	23	24.47	4	4.26	2
TỔNG TOÀN TRƯỞNG		8.125	831	3.504	4.621	46	0.57	316	3.89	1.073	13.21	2.859	35.19	2.722	33.50	859	10.57	250	3.08	853

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 8.978 HSSV. Trong đó có 853 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không nộp tờ đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2018

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV

Hoàng Ngọc Cảnh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh